

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

2. Ông Trương Thành Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Gi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh năm: 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp Tân Trạch, xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông Trần Hồng Gi, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Phước, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Gi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến cùng ngày 16/3/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Gi kết hôn trên cơ sở tự nguyện tự nguyện vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Th, huyện Bù

Đ, tỉnh Bình Ph số 08/2017 ngày 17/3/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Gi không lo quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm và không còn tình cảm. Giữa bà và ông Gi ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà yêu cầu ly hôn với ông Gi vì không còn tình cảm.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Gi có 02 con chung cháu Trần Đông Hải, sinh ngày 11/7/2016 và Trần Tấn Tài Cháu sinh ngày 09/6/2018. Hiện các con chung đang do bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* *Bị đơn ông Trần Hồng Gi*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Gi không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 17/5/2021

- Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về việc chấp hành pháp luật*: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Tr

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

1.1 *Về quan hệ tranh chấp*: Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và giấy khai sinh các con thể hiện ông Gi có nơi cư trú là ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, An Gi; Biên bản xác minh về nơi cư trú của đương sự tại Công an thị trấn Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Gi ngày 13/4/2021 thể hiện bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 4, ấp Vĩnh Phước, (hiện nay

là khóm Phước Thành), thị trấn Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Gi. Hiện ông Gi không có mặt tại địa phương. Ông Gi thay đổi nơi cư trú, nhưng không trình báo cho chính quyền địa phương, do đó căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đây được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Gi.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Các thủ tục tố tụng của Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của ông Gi trong vụ án; Nguyên đơn bà Tr có đơn yêu cầu Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đăng Cổng thông tin điện tử của Tòa án; 03 số báo Công Lý liên tiếp số 042, 043 và 044 vào các ngày 25,28/5/2021 và ngày 01/6/2021 liên tiếp. Thông tin tuyên truyền trên sóng Đài TNVNHD 294/NT/2021/HĐTT- CNHCM ký ngày 21/5/2021, thời gian phát sóng vào lúc 17h30-18h00 các ngày 26; 27 và ngày 28/5/2021; Nội dung thông báo và nội dung phát sóng thể hiện triệu tập hợp lệ ông Gi đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Tr có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/5/2021. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà Tr, ông Gi.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và ông Trần Hồng Gi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Th, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Ph số 08/2017 ngày 17/3/2017 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Tr với ông Gi. Mục đích tạo điều kiện cho ông bà được đoàn tụ; Tuy nhiên, bà Tr vẫn giữ yêu cầu ly hôn; Ông Gi không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Điều này, thể hiện ông Gi không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Giữa bà Tr và ông Gi ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy cả bà Tr và ông Gi đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà Tr có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 02 con chung Trần Đông Hải, sinh ngày 11/7/2016 và Trần Tấn Tài sinh ngày 09/6/2018, hiện các con đang do bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Tr là người trực tiếp nuôi các con chung từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay và bà có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con sau khi ly hôn. HĐXX xét thấy: hiện tại ông Gi không có mặt tại địa phương và cũng không có ý kiến trình bày cho Tòa án về việc nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Hải và cháu Tài cho bà Tr trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Tr không yêu cầu ông Gi cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, yêu cầu của bà Tr được HĐXX xem xét chấp nhận. Bà Tr phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Gi trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Lệ phí về thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 3.052.800đ (ba triệu, không trăm năm mươi hai ngàn, tám trăm đồng): bà Nguyễn Thị Tuyết Tr có đơn yêu cầu thông báo nên phải chịu lệ phí (đã nộp xong)

[4] Quyền kháng cáo:

Bà Tr, ông Gi có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 180, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết Tr. Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr được ly hôn với ông Trần Hồng Gi

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2017 ngày 17/3/2017 tại UBND xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung Trần Đông Hải, sinh ngày 11/7/2016 và Trần Tấn Tài sinh ngày 09/6/2018. Bà Tr không yêu cầu ông Gi cấp dưỡng nuôi con chung

Bà Tr phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Gi trong việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007217 ngày 16/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Gi.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, ông Trần Hồng Gi có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Gi;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang